TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2022/HC-PT
Ngày 04 tháng 7 năm 2022
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ pH toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng
Ông Nguyễn Xuân Điền.

Thư ký phiên toà: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên, tham gia pH tòa.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 492/2021/TLPT–HC ngày 17 tháng 11 năm 2021 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC–ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4619/2022/QĐ-PT, ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê S, sinh năm 1950; nơi ĐKHKTT: thôn A, xã TT, huyện H, tỉnh T; nơi ở: thôn Đ, xã PT, huyện H, tỉnh T; làm đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê S: Bà Trần Thị K O và ông Lê Q T, Luật sư Văn phòng Luật sư MHN, Đoàn Luật sư tỉnh T; địa chỉ: số nhà 52, tổ 5, phố TC, phường TQ, thành phố T, tỉnh T; có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn TD, chức vụ: Chủ tịch UBND; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đ T, chức vụ: Phó chủ tịch UBND; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1952; địa chỉ: thôn Đ, xã PT, huyện H, tỉnh T;

vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: Ông Lê S (chồng bà H); nơi ĐKHKTT: thôn A, xã TT, huyện H, tỉnh T; nơi ở: thôn Đ, xã PT, huyện H, tỉnh T; làm đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn V T, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn Đ, xã PT, huyện H, tỉnh T; vắng mặt.

3. Ông Ma K, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn AP, xã TT, huyện H, tỉnh T; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Lê S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Bản án sơ thẩm và diễn biến tại pH toà, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Người khởi kiện, ông Lê S trình bày:

Năm 1983, ông là xã viên của Hợp tác xã AN; nhà ông ở gần khu PL nên có khai hoang một khu đất diện tích khoảng 01ha để trồng lúa, nương, sắn, khoai, sau này trồng sả. Mảnh đất ông khai phá có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn VH, phía Tây giáp đất ông Hà ĐY, phía Nam giáp đất ông Ma K, phía Đông giáp đường dân sinh. Năm 1996, Nhà nước dừng trồng sả thì ông trồng cây mỡ, bồ đề và một số cây khác, một phần trồng cây sắn khoảng 4.000m^2. Năm 1998 ông đi miền Nam chơi thì vợ ông (bà H) ở nhà trông coi và trồng cây; năm 2001 ông về không trồng thêm cây gì nhưng vẫn trông coi. Đến năm 2004, vợ chồng ông T vào phá cây của ông để trồng cây vải nên ông làm đơn đề nghị UBND xã và UBND huyện giải quyết.

Ngày 17/12/2020, Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh T ban hành Quyết định số 5332/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 5332) về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa các hộ gia đình ông Lê S, thôn A, xã TT, huyện H; ông Nguyễn V T, thôn Đ, xã PT, huyện H và ông Ma K, thôn AP, xã TT, huyện H. Theo ông, Quyết định số 5332 là không khách quan, không đưa vợ ông tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết; trên đất đang tranh chấp còn có tài sản là cây cối hoa màu của gia đình ông S nhưng chưa được xác định, dẫn đến Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh T giải quyết không đảm bảo quyền lợi về quyền sở hữu cho ông và vi phạm quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; diện tích theo thực trạng và theo Quyết định số 5332 có sự chênh lệch và vi phạm về thời hạn ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

Do đó, ngày 04/11/2021 ông Lê S khởi kiện và ngày 18/01/2021 làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu huỷ toàn bộ Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ đề

nghị hủy một phần Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh T có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông với ông Nguyễn V T.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Hiện trạng thửa đất đang có tranh chấp giữa 03 hộ gia đình, cá nhân (ông Lê S, ông Nguyễn V T, ông Ma K) vị trí ở khu PL giáp BK, thôn A thuộc địa phận hành chính xã TT; diện tích 8.207 m^2 là đất trồng cây lâu năm, ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc liền kề đường dân sinh đi vào các hộ gia đình, phía Nam giáp đất của ông Ma K, phía Đông đường đi ra quốc lộ 3B và đi UBND xã TT, phía Tây giáp đất của ông Hà ĐH.

Các ông S, ông T, ông K chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các gia đình không có hồ sơ, giấy tờ về quyền sử dụng đất chứng minh có diện tích theo Điều 100 Luật Đất đai 2013; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất đang xảy ra tranh chấp: Thửa đất đang có tranh chấp có nguồn gốc là đất của Lâm trường H quản lý và trồng Sả những năm 1980 và giao cho Huyện đoàn H quản lý. Năm 1988 huyện đoàn H bàn giao cho Trạm Ngoại thương, đến năm 1990 Trạm Ngoại thương sát nhập vào Công ty Thương nghiệp H để trồng Sả theo dự án được một vài năm, sau đó bỏ hoang không ai quản lý sử dụng; trong quá trình diễn biến sử dụng đất ông S có đến trồng Sả một vài năm theo dự án rồi bỏ không, không quản lý. Từ năm 1998 ông T là người đến phục hoá lại và trồng cây canh tác, quản lý ổn định liên tục từ năm 1998 đến năm 2014 (mười sáu năm) đến khi xảy ra tranh chấp, trong quá trình canh tác quản lý của ông T không có vướng mắc, tranh chấp với hộ ông S, ông K.

Như vậy, thời điểm sử dụng đất của ông T được xác định từ năm 1998 khi khai hoang, phục hoá, phát dọn trồng cây ăn quả trên đất. Trước khi ông T sử dụng đất, ông S đã không còn canh tác, trên đất không có cây trồng gì của hộ ông S và ông K. Hộ ông Nguyễn V T đã sử dụng đất ổn định từ trước ngày 01/7/2014, hiện trạng phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 là đất sản xuất nông nghiệp, có các điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013.

Đại diện UBND huyện H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; đề nghị TAND tỉnh T xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị H trình bày:

Bà là vợ ông Lê S, Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh T, về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa các hộ gia đình ông Lê S, ông Nguyễn V T và ông Ma K là không khách quan; không đưa bà tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trên đất đang tranh chấp còn có tài sản cây cối hoa màu của gia đình bà nhưng không được phân định đảm bảo quyền sở hữu tài sản trên đất; quá trình giải quyết Chủ tịch UBND huyện

H, tỉnh T đã không giải quyết để đảm bảo quyền lợi của bà. Căn cứ theo khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 là vi phạm quy định về thẩm quyền. Do đó, bà đề nghị huỷ toàn bộ Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh T để đảm bảo quyền lợi cho bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn V T trình bày:

Năm 1998, ông khai phá, phục hoá khu đất bỏ hoang tại khu vực PL và trồng cây, canh tác, quản lý sử dụng từ khi khai phá năm 1998 đến tháng 8 năm 2014 (mười sáu năm), từ tháng 8/2014 ông Lê S vô cớ đến phá rào, chặt phá cây do gia đình ông trồng, ông đã có nhiều đơn gửi đến UBND các cấp của huyện để giải quyết, trong quá trình chờ giải quyết ông S cậy là thương binh luôn đe doạ và còn hành hung đánh ông, gây thiệt hại cho gia đình ông suốt từ tháng 8/2014 đến nay không được trồng cây canh tác.

Vụ việc của ông đã được UBND xã và huyện giải quyết từ năm 2015 đến năm 2020 và đến ngày 17/12/2020 UBND huyện H có Quyết định số 5332/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất giữa các hộ gia đình; trong quyết định đã làm rõ được việc quản lý, sử dụng đất của ông theo quy định của pháp luật về đất đai và công nhận khu đất 8.207m^2 đất trồng cây lâu năm tại khu PL, thôn AP, xã TT đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của luật đất đai. Đến nay ông S lại có đơn khởi kiện yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Chủ tịch UBND huyện H nêu trên là không có căn cứ. Đề nghị Toà án giữ nguyên Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Ma K trình bày:

Khoảng năm 2000, ông mua mảnh đất của ông Hà TM, lúc đó ông M có quyết định giao đất sử dụng 50 năm của UBND huyện H, có sơ đồ kèm theo, diện tích đất ông mua của ông M là 3,26 ha, không liên quan đến diện tích đất tranh chấp giữa ông Lê S và ông Nguyễn V T vì diện tích đất của ông tách biệt với diện tích đất tranh chấp giữa ông S và ông T bởi một con đường. Việc ông S khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh T không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC–ST ngày 27/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30; Điều 32; Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 116; Điều 191; Điều 194, Điều 206, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Căn cứ vào Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị đinh quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê S về việc huỷ một phần Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Uỷ ban

nhân dân huyện H, tỉnh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2021, người khởi kiện ông Lê S làm đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm với nội dung: Bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, không căn cứ vào các quy định về thẩm quyền ban hành văn bản giải quyết tranh chấp đất đai; Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND huyện H do Phó Chủ tịch ký khi không có văn bản uỷ quyền là không đúng; ông T là người ở địa phương khác đến xâm canh canh tác lại được bảo vệ giao đất; trên đất tranh chấp còn có tài sản, cây cối của gia đình ông bị ông T phá hoại nhưng chưa được xác định làm rõ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê S phát biểu ý kiến: Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND huyện H giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông S và ông T chưa đảm bảo quyền lợi cho ông S, vì: Ông S là người có công khai phá và trồng cây trên thửa đất tranh chấp từ những năm 1983; sau khi trồng các loại cây theo các dự án của địa phương không có hiệu quả nhưng gia đình ông S vẫn tiếp tục sử dụng và quản lý. Năm 2014, ông T là người địa phương khác đến tự ý phá các cây do gia đình ông S trồng từ trước đó và tranh giành lấy đất. Trên đất tranh chấp đang có tài sản do gia đình ông S là cây cối, hoa màu trồng từ trước nhưng khi giải quyết tranh chấp chưa được xem xét, giải quyết và việc giải quyết của UBND huyện H là không đúng thẩm quyền. UBND huyện H không đưa bà Phạm Thị H vào tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để giải quyết tranh chấp là chưa đảm bảo quyền lợi cho bà H.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Lê S, sửa bản án sơ thẩm, huỷ Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND huyện H, tỉnh T.

- Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện không đồng ý với các nội dung trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện có kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Lê S làm và gửi trong thời hạn theo quy định tại Điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận hợp lệ.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng tuyên huỷ Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND huyện H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Kết quả tranh tụng và trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đơn kháng cáo: Ngày 27/9/2021 Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử và ra Bản án sơ thẩm, ông Lê S có mặt tại phiên toà, vắng mặt khi tuyên án. Ngày 08/10/2021 ông Lê S làm đơn kháng cáo, gửi trong thời hạn và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 205, 206, khoản 1 Điều 209 Luật Tố tụng hành chính và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, vắng mặt nguyên đơn có kháng cáo, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện có kháng cáo, có mặt đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Bản án sơ thẩm xác định Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện H là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; xác định ông S có quyền khởi kiện; xác định thời hiệu khởi kiện trong hạn luật định; xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân tỉnh T là đúng với các quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của Quyết định số 5332/QĐ-UBND:

- Về hình thức của quyết định: Căn cứ Luật Đất đai số 45 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, UBND huyện H ban hành Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020, về việc giải quyết tranh chấp đất giữa các hộ gia đình ông Lê S, ông Nguyễn V T và ông Ma K là đúng quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; khoản 4 Điều 203 Luật Đất đai, khoản 4 Điều 89 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số

điều của Luật Đất đai; Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện H về việc phân công công tác của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND huyện H khóa XIX, nhiệm kỳ 2016 – 2021 thì quyết định này của UBND huyện H do ông Vũ Đ T, chức vụ Phó Chủ tịch ký thay Chủ tịch là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 26/4/2016 UBND huyện H nhận được Báo cáo số 47/BC-UBND ngày 25/4/2016 của UBND xã TT, huyện H về kết quả giải quyết đơn của ông Lê S. Ngày 17/5/2016 Thanh tra huyện đã ban hành Thông báo số 132/CV-TTr Thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện về việc đôn đốc Phòng Tài nguyên và Môi trường giải quyết đơn của ông S. Ngày 09/10/2020 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H ban hành Báo cáo số 211/ĐT-TNMT về kết quả xác minh vụ việc tranh chấp đất giữa các hộ gia đình ông Lê S, ông Nguyễn V T và ông Ma K. Ngày 17/12/2020, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 5332/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất giữa các hộ gia đình ông Lê S, ông Nguyễn V T và ông Ma K là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 89 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Về thời hiệu, thời hạn ban hành quyết định: Ngày 18/8/2014 ông Lê S có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai nhưng đến ngày 17/12/2020 Chủ tịch UBND huyện H mới ban hành Quyết định số 5332/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất theo đơn của ông Lê S là vi phạm thời hạn giải quyết tranh chấp đất đai quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 61 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và khoản 40 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị đinh quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Về nội dung giải quyết:

+ Về hiện trạng thửa đất đang có tranh chấp: Tại vị trí ở khu PL giáp BK, thôn A thuộc địa phận hành chính xã TT, có diện tích theo sơ đồ trích đo lập ngày 29/4/2020 của UBND huyện H do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND xã TT và có sự tham gia của các bên đương sự trong vụ án cùng ký xác nhận là 8.207m^2, ranh giới được xác định như sau: Phía Bắc liền kề đường dân sinh đi vào các hộ gia đình, phía Nam giáp đất của ông Ma K, phía Đông đường đi ra quốc lộ 3B và đi UBND xã TT, phía Tây giáp đất của ông Hà ĐH.

+ Về loại đất tranh chấp: Đất trồng cây lâu năm.

+ Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án như: Biên bản làm việc ngày 03/6/2016 xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất có tranh chấp giữa hộ ông S và hộ ông T đối với ông Bạch V S thôn Đ, xã PT (BL 64); Biên bản xác minh ngày 03/6/2016 đối với ông Nguyễn Q Đ thôn Đ, xã PT (BL 65); Biên bản xác minh ngày 28/9/2017 đối với ông Lý V C thôn A, xã TT (BL 68); Biên bản xác minh ngày 28/9/2017 đối với hộ ông Hà ĐY thôn A, xã TT (BL 69); lời

trình bày của ông S và trình bày của đại diện UBND huyện H tại phiên toà phúc thẩm thì thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc là đất của Lâm trường H quản lý và trồng cây Sả những năm 1980 và giao cho Huyện đoàn H quản lý. Năm 1988 Huyện đoàn H bàn giao cho Trạm Ngoại thương, đến năm 1990 Trạm Ngoại thương sát nhập vào Công ty Thương nghiệp H để trồng Sả theo dự án được một vài năm, sau đó bỏ hoang không ai quản lý sử dụng. Trong quá trình diễn biến sử dụng đất ông S có đến trồng Sả một vài năm theo dự án rồi bỏ hoang hoá, không quản lý. Từ năm 1998, ông T là người đến phục hoá lại và trồng cây canh tác, quản lý ổn định liên tục từ năm 1998 đến năm 2014 (mười sáu năm) đến khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình canh tác, quản lý của ông T không có vướng mắc, tranh chấp với ai.

+ Về giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất: Ông Lê S có thời gian sử dụng đất nhưng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; gia đình không có hồ sơ, giấy tờ về quyền sử dụng đất theo Điều 100 Luật Đất đai 2013; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

[2.2] Về việc xác định những người tham gia giải quyết tranh chấp đất đai: Theo biên bản làm việc ngày 21/01/2016 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, ông S xác định đất có tranh chấp với ông T là của riêng ông S, chỉ mình ông S khai phá sử dụng, mọi người trong gia đình cùng hưởng lợi khi còn sử dụng đất; nay có tranh chấp chỉ riêng ông S tham gia giải quyết. Như vậy khi giải quyết tranh chấp đất UBND huyện H không đưa bà Phạm Thị H tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2.3] Về việc xem xét giải quyết các tài sản trên đất tranh chấp: Khi giải quyết tranh chấp đất, UBND xã TT, huyện H đã ban hành Thông báo số 01/TB-UBND ngày 23/01/2015 về việc đình chỉ mọi hoạt động canh tác trên đất tranh chấp; đình chỉ mọi hoạt động của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân canh tác trên thửa đất, giữ nguyên hiện trạng đất cho đến khi được cấp có thẩm quyền cấp quyền sử dụng. Như vậy, đối với tài sản, cây trồng hình thành trên đất từ sau thời điểm ngày 23/01/2015 đều là vi phạm. Ông S cho rằng ông T đã có hành vi phá hoại tài sản của ông tuy nhiên tại Biên bản hòa giải ngày 12/7/2021 ông T khai sau khi nhận được Quyết định số 5332/QĐ-UBND ông mới san ủi đất để trồng cây nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Như vậy, Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh T về giải quyết tranh chấp đất đai giữa 03 hộ gia đình, cá nhân ông Lê S, ông Nguyễn V T, ông Ma K đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, giải quyết đúng nội dung tranh chấp giữa các bên. Việc ban hành quyết định này có vi phạm về thời hạn nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết tranh chấp, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án; tuy nhiên, Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh T cần rút kinh nghiệm.

[3] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án

sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Lê S là có căn cứ pháp luật; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lê S và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên toà.

[4] Đại diện người bị kiện trình bày nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa ông Lê S và ông Nguyễn V T, được giải quyết tại Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh T là đất của Lâm trường H quản lý và trồng cây Sả những năm 1980 và giao cho Huyện đoàn H quản lý; năm 1988 bàn giao cho Trạm Ngoại thương, đến năm 1990 Trạm Ngoại thương sát nhập vào Công ty Thương nghiệp H. Do đó, kiến nghị UBND huyện H khi giao đất, công nhận quyền sử dụng thửa đất này cho cá nhân, tổ chức cần xác định nguồn gốc thửa đất để xử lý theo đúng quy định của Luật Đất đai.

[5] Về án phí: Kháng cáo của ông Lê S không được chấp nhận nhưng ông S là người cao tuổi và là người có công với cách mạng nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí kèm theo.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí kèm theo.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê S, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC–ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

2. Án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lê S.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Kiến nghị UBND huyện H, tỉnh T khi giao đất, công nhận quyền sử dụng thửa đất có diện tích 8.207,5m^2 tại vị trí ở khu PL, thôn A, xã TT, huyện H, tỉnh T (được giải quyết tại Quyết định số 5332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh T về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa các hộ gia đình ông Lê S, thôn A, xã TT; ông Nguyễn V T, thôn Đ, xã PT; ông Ma K, thôn AP, xã TT, huyện H, tỉnh T) cho cá nhân, tổ chức cần xác định nguồn gốc thửa đất để xử lý theo đúng quy định của Luật Đất đai.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, HCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA

Nguyễn Tiến Dũng